

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST
Ngày 08-5-2020
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con
giữa bà H và ông Kh”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trần Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Trịnh Thị Mai Hương

2- Ông Nguyễn Hoàng Thân

- Thư ký Tòa án: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Rư- Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 547/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 07/2020/QĐXX-ST ngày 06 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Kim H, sinh năm 1984, vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 1, ấp SL, xã TL, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Đình Kh, sinh năm 1983, vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 5, ấp SL, xã TL, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18-9-2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Lê Thị Kim H trình bày: Về hôn nhân: Bà H và ông Phạm Đình Kh đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã TL, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vào ngày 08-3-2016 (Giấy đăng ký số 12). Vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn

do ông Kh thường xuyên ăn nhậu dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát. Năm 2018, bà H nộp đơn xin ly hôn nhưng sau đó rút đơn để đoàn tụ. Tuy nhiên, vợ chồng chung sống lại 1 thời gian ngắn lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 4/2019. Nay bà H yêu cầu ly hôn ông Kh.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung Phạm Lê Bảo A, sinh ngày 18-01-1917, Phạm Thị Thanh H, sinh ngày 26-11-2018, nếu ly hôn bà H yêu cầu được nuôi các con, yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 1.000.000đ/tháng cho đến khi 18 tuổi.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Phạm Đình Kh là bị đơn trong vụ án nhưng vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Kết quả xác minh tại ấp SL, xã TL, huyện X, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu ngày 06-12-2019, xác định ông bà có cư trú tại địa phương. Trong quá trình chung sống thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhưng địa phương không biết nguyên nhân. Hiện nay, ông bà không còn sống chung, ông bà có 02 người con đang ở cùng bà H, địa phương không biết thu nhập của ông bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H ly hôn; về nuôi con chung, chấp nhận cho bà H nuôi các con chung và buộc ông Kh cấp dưỡng theo yêu cầu của bà H; về chia tài sản chung, bà H không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nhận định:

[2] *Về tố tụng:*

[2.1] *Về thẩm quyền:* Nguyên đơn tranh chấp với bị đơn về ly hôn, nuôi con khi ly hôn; bị đơn cư trú tại xã TL, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] *Về thủ tục xét xử vắng mặt:* Bà Lê Thị Kim H là nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Phạm Đình Kh là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông bà theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung:*

[3.1] *Về hôn nhân*: Hôn nhân của bà Lê Thị Kim H và ông Phạm Đình Kh là hôn nhân hợp pháp. Theo bà H trình bày, sau thời gian chung sống đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông Kh thường xuyên ăn nhậu dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát. Năm 2018, bà H nộp đơn ly hôn nhưng sau đó rút đơn để đoàn tụ. Tuy nhiên, về chung sống được một thời gian ngắn, vợ chồng lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 4/2019. Nay bà H yêu cầu ly hôn ông Kh. Tại biên bản xác minh ngày 06-12-2019 xác định, trong quá trình chung sống ông bà thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhưng địa phương không biết nguyên nhân. Cho thấy, mâu thuẫn của ông bà là có thật. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà H ly hôn ông Kh theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] *Về nuôi con chung*: Ông bà có 02 con chung, còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi và đang ở cùng bà H nên chấp nhận để bà H nuôi các con, buộc ông Kh cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà H là 1.000.000đ/tháng cho mỗi người con cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

[3.3] *Về chia tài sản chung*: Bà H không yêu cầu nên không xét đến.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H về ly hôn, nuôi con chung, tài sản chung là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] *Về án phí*: Bà H phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn; ông Kh không phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn nhưng phải chịu án phí sơ thẩm về cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. *Về hôn nhân*: Cho bà Lê Thị Kim H ly hôn ông Phạm Đình Kh.

2. *Về nuôi con chung*: Bà H trực tiếp nuôi các con chung là Phạm Lê Bảo A, sinh ngày 18-01-1917 và Phạm Thị Thanh H, sinh ngày 26-11-2018; ông Kh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con là 1.000.000đ/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi; ông Kh có quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền

phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. *Về chia tài sản chung:* Bà H không yêu cầu nên không xem xét.

4. *Về án phí:* Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai số 0001372 ngày 18-9-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện X; bà H đã nộp đủ; ông Kh phải chịu án phí sơ thẩm về cấp dưỡng là 300.000đ.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện X;
- THA huyện X;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Lưu.

Phạm Trần Hiền